

Bản án số: 134/2024/DS-PT

Ngày: 22-3-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất,
công nhận quyền sở hữu nhà,
thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 468/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, công nhận quyền sở hữu nhà, thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 506/2024/QĐ-PT ngày 05/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trần Anh V, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: C, Tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Ông Trần Anh K, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

1.3 Ông Trần Văn T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1.4 Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, ông K, ông T, bà Q là Luật sư Võ Huy T1 của Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972; Địa chỉ: 2, Tổ A, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Trương Thị H của Văn phòng Luật sư Trương Thị H thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Anh D1, sinh năm 1947, quốc tịch: AUSTRALIA

Địa chỉ: 7RUTH.ST.CANLEY HEIGHTS NSW 2166, AUSTRALIA.

3.2 Ông Trần Thế H1, sinh năm 1954, quốc tịch: AUSTRALIA.

Địa chỉ: 147 SACKVILLE ST, FAIRFIELD NSW 2165, AUSTRALIA.

Chỗ ở hiện nay: Số B, đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền của ông D1, ông H1 là ông Trần Anh V, sinh năm 1950; Địa chỉ: C, Tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.3 Ông Trần Anh T2, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ cho ông T2:

+ Ông Trần Anh K, sinh năm 1956 (có mặt);

+ Trần Thị Kim Q, sinh năm 1960 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Chị Trần Thị Bảo T3, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.5 Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.6 Chị Trần Như N, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn Trần Anh V, Trần Anh K và Trần Thị kim Q1 trình bày:

Cha mẹ ông bà là cụ Trần Văn N1 sinh năm 1924, mất năm 2014 và cụ Nguyễn Thị S sinh năm 1922 mất năm 2012 có 08 người con gồm:

1. Trần Thị P, sinh năm 1947;

2. Trần Anh D1, sinh năm 1947;

3. Trần Anh T2, sinh năm 1952;

4. Trần Thế H1, sinh năm 1954;

5. Trần Anh V, sinh năm 1950;

6. Trần Anh K, sinh năm 1956;

7. Trần Văn T, sinh năm 1959;

8. Trần Thị Kim Q, sinh năm 1960.

Năm 2009 cha mẹ ông bà có lập hợp đồng tặng cho nhà đất tại số: 25 Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Trần Anh K và bà Trần Thị P với điều kiện bà P và ông K nuôi dưỡng ông Trần Anh T2 đến cuối đời, đến ngày

09/12/2009 bà P và ông K được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất ở số hồ sơ gốc: 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN. Nhưng sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở thì bà P không ở căn nhà này, cũng không chăm sóc, cấp dưỡng nuôi dưỡng ông Trần Anh T2 mà người chăm sóc, nuôi dưỡng ông T2 là bà Trần Thị Kim Q, ông Trần Anh K do đó bà P vi phạm hợp đồng nên ông bà khởi kiện bà P. Do đó ông bà yêu cầu:

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho Nhà đất công chứng số 323, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2009 tại Phòng công chứng số 01 bị vô hiệu một phần đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất bà Trần Thị P được tặng cho, do bà P vi phạm điều kiện của hợp đồng.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông K, bà P.

- Công nhận ông Trần Anh K và bà Trần Thị Kim Q được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với căn nhà số B, đường A, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Chia thừa kế cho các đồng thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà địa chỉ số B Ấp B, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 09/12/2009 cho hàng thừa kế của cụ S và cụ N1 làm 8 phần, ông K đại diện chia cho bà P, phần còn lại anh em chưa yêu cầu chia.

* Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông V, ông K, bà Q sau khi bà P được đứng tên nhà và đất ở thì không nuôi dưỡng, hay chu cấp gì cho ông T2, tuy nhiên ông có nhận tiền từ bà P là tiền của anh Trần Thế H1 gửi về nhưng bà P buộc ông phải ghi giấy nhận tiền là nhận tiền của bà P, mục đích là để nuôi cha là cụ Trần Văn N1 bệnh già yếu, sau khi cha mất thì không nhận tiền gì để nuôi ông T2.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị P là ông Phạm Ngọc D trình bày:

Phía bà P không đồng ý đối với yêu cầu của các nguyên đơn do hợp đồng tặng cho từ năm 2009 đến năm 2020 tiền cho thuê mặt bằng căn nhà thì bà Q lấy tiền nuôi ông T2, bà P không có lấy, đồng thời bà P cũng có đưa tiền nuôi dưỡng ông T2 cho ông T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Anh K, do ở chung với gia đình chồng nên bà được biết năm 2009 cha mẹ chồng bà là cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S có làm hợp đồng tặng cho ông K và bà P căn nhà này với điều kiện phải nuôi dưỡng anh Trần Anh T2 bị bệnh tâm thần cho đến khi ông T2 qua đời. Tuy nhiên sau khi được tặng cho căn nhà thì bà P không nuôi dưỡng, chăm sóc ông T2 như cam kết, gần đây bà P có ý định bán căn nhà, và xúi chồng bà bán nhà để nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, chồng

bà là ông K không đồng ý, nên các anh chị em trong gia đình mới khởi kiện, bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Bảo T3 trình bày:

Chị là con của ông Trần Anh K, chị thống nhất ý kiến với bà Nguyễn Thị Kim L, thống nhất yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Các điều 26; 32; 34; 37; 158 ; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Các điều 30; 34 Luật Tố tụng hành chính.
- Các điều 120; 462; 613; 623 Bộ luật Dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.
- Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối caoV/v Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh K, Trần Anh V, Trần Văn T và Trần Thị Kim Q.

- Hủy 01 phần hợp đồng tặng cho nhà đất tại số B đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang giữa cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S với bà Trần Thị P lập ngày 19/11/2009 tại Văn Phòng C tỉnh Tiền Giang

- Công nhận 50% nhà và đất tại số B đường Á, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S trị giá là 2.832.301.000 đồng.

- Ghi nhận ông Trần Văn K1 đại diện ông Trần Anh V, ông Trần Văn T, ông Trần Thế H1, ông Trần Anh D1 ,bà Trần Thị Kim Q chia lại 1/8 kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị P là 354.037.625 đồng . Thời gian thực hiệngiao tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày phía bà P có đơn yêu cầu thi hành án về phần tiền nếu ông K1 chậm thi hành đối với phần tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ghi nhận ông Trần Anh V, ông Trần Anh K, ôngTrần Văn Tín, ông Trần Thế H1, ông Trần Anh D1 (ông H1, ông D1 ủy quyền cho ông V) đồng ý cho bà Trần Thị Kim Q đứng tên quyền sử dụng đất và nhà tại số B đường Á phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cùng với ông Trần Anh K.

Ông Trần Anh K và bà Trần Thị Kim Q được liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số B đường Á phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do bà Trần Thị P và ông Trần Anh

K đúng tên số 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN ngày 09/12/2009 của UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2023 bị đơn bà Trần Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị P có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Trương Thị H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện hợp pháp ông Phạm Ngọc D thống nhất trình bày: Việc chăm sóc ông T2 theo như hợp đồng tặng cho là sự chăm sóc lâu dài và trong hợp đồng tặng cho cũng không có điều khoản nào yêu cầu người chăm sóc phải về ở cùng với ông Trần Anh T2. Sự chăm sóc này có thể nuôi và cấp dưỡng từ xa về mặt thể chất và tinh thần. Ngoài ra, tại bản cam kết vào năm 2019 thì các bên đã thể hiện thống nhất, có chứng thực chữ ký tại văn phòng C1 rằng bà P đã thực hiện đúng theo hợp đồng tặng cho mà ba mẹ đã tặng cho bà. Ngoài ra, việc bà P gửi tiền cho ông T4 để chăm sóc ông T2 đã được ông T4 xác nhận. Việc bà Q cho thuê nhà bà P không lấy tiền thuê cũng là để tiền chăm sóc, cấp dưỡng cho ông T2. Chứng cứ được cung cấp thêm là văn bản chia thừa kế từ thời ông N1, bà S1 còn sống nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn hoặc nếu chấp nhận một phần cũng phải hủy án, trả hồ sơ về cấp sơ thẩm do có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ việc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Võ Huy T1 trình bày: Các nguyên đơn đưa ra chứng cứ chứng minh bà P vi phạm hợp đồng tặng cho có điều kiện là đúng, vì trong một thời gian rất dài bà P không thăm nom chăm sóc gì ông T2, cũng như không đóng góp tiền bạc để cấp dưỡng cho ông T2. Bà P khai gửi tiền cho ông T4 nhưng ông T4 không thừa nhận, việc bà P gửi tiền này là để hợp thức hóa và làm người giám hộ cho ông T2. Những người cho thuê nhà đã xác nhận bà P có đến đòi tiền thuê nhà nhưng những người thuê không đưa tiền cho bà P và bà P đã có văn bản về việc ngăn chặn không cho thuê nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị kiểm sát viên phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhận thấy bản án sơ thẩm là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị P trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho Nhà đất công chứng số 323, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2009 tại Phòng công chứng số 01 bị vô hiệu một phần đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất bà Trần Thị P được tặng cho, do bà P vi phạm điều kiện của hợp đồng.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông K, bà P.

- Công nhận ông Trần Anh K và bà Trần Thị Kim Q được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với căn nhà số B, đường A, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Chia thừa kế cho các đồng thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ căn nhà địa chỉ số B Ấp B, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 09/12/2009 cho hàng thừa kế của cụ S và cụ N1 làm 8 phần, ông K đại diện chia cho bà P, phần còn lại anh em chưa yêu cầu chia.

[2.2] Cụ Trần Văn N1 sinh năm 1924, mất năm 2014 và bà Nguyễn Thị S sinh năm 1922 mất năm 2012 chung sống với nhau có 08 người con. Cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S có tạo lập được căn nhà cất trên diện tích đất 65,55m² tại số B Ấp B, thành phố M, Tiền Giang. Ngày 19/11/2009 cụ S và cụ N1 có lập hợp đồng tặng cho nhà đất cho ông Trần Anh K và bà Trần Thị P tại Văn Phòng C tỉnh Tiền Giang, ông K, bà P được UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 09/12/2009.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tặng cho nhà đất lập ngày 19/11/2009 của cụ N1 và cụ S cho ông Trần Anh K và bà Trần Thị P lập tại V tỉnh Tiền Giang là hợp đồng tặng cho có điều kiện là ông K, bà P là phải nuôi dưỡng ông Trần Anh T2 (bị bệnh tâm thần đến khi ông Trần Anh T2 qua đời) nhưng từ khi bà P được đứng tên nhà đất thì bà P không thực hiện điều kiện theo hợp đồng tặng cho mà ông K và bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng ông T2. Điều này xảy ra từ lúc cụ S còn sống. Cụ S cũng có đơn khởi kiện yêu cầu bà P trả lại nhà đất và những người hàng xóm gần nhà xác nhận bà P không có nuôi dưỡng ông T2 mà chỉ có bà Q và ông K nuôi dưỡng (BL11,29). Mặt khác, bà P không nuôi dưỡng ông T2 mà lại có đơn xin ngăn phòng ở là vi phạm điều kiện của hợp đồng tặng cho. Vì vậy hàng thừa kế cụ S, cụ N1 gồm ông V, ông K, ông T, bà Q, ông H1, ông D yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho nhà đất đối với bà P lập ngày 19/11/2009 tại Văn Phòng C tỉnh Tiền Giang là có căn cứ phù hợp với khoản 3 Điều 462 Bộ luật Dân sự.

Việc bà P và ông K đứng tên chung nhà đất là đồng sở hữu, do hàng thừa kế của cụ S và cụ N1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhà đất của cụ S và cụ N1 cho bà P là có căn cứ nên 50% nhà đất của cụ N1 và cụ S trở thành di sản thừa kế, hàng thừa kế của cụ S và cụ N1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 08 người con là có phù hợp.

[2.3] Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định, thẩm định Sài Gòn ngày 07/5/2022 nhà đất trị giá là 5.664.602.000 đồng. Tuy nhiên hợp đồng tặng cho nhà đất đối với ông Trần Anh K vẫn còn hiệu lực, theo đó, giá trị 50% di sản của bà P bị hủy là 2.832.301.000 đồng, chia cho 08 kỷ phần thì mỗi kỷ phần được chia là 354.037.625 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V, ông T, bà Q, ông H1, ông D, ông K, ông T2 (người giám hộ của ông T2 là ông K và bà Q) không yêu cầu chia kỷ phần thừa kế của mình mà đồng ý để chung cho ông K và bà Q cùng đứng tên nhà đất trên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với kỷ phần thừa kế của bà P thì ghi nhận đại diện ông K có nghĩa vụ chia lại cho bà P số tiền 354.037.625 đồng.

[2.4] Phía bị đơn kháng cáo cho rằng bà P đã thực hiện đúng theo hợp đồng tặng cho, vì bà P gửi tiền cho ông T để chăm sóc ông T2, đồng thời bà Q cho thuê nhà bà P không lấy tiền thuê cũng là để tiền chăm sóc, cấp dưỡng cho ông T2, và bà P đã thực hiện đúng điều kiện theo hợp đồng tặng cho vì có thể nuôi và cấp dưỡng ông T2 từ xa.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 19/11/2009 đưa ra điều kiện là bà P và ông K phải chăm sóc nuôi dưỡng ông T2 chứ không phải lấy tiền từ việc cho thuê nhà để nuôi dưỡng ông T2. Hơn nữa, khi nuôi dưỡng một người bị tâm thần thì việc chăm sóc là quan trọng chứ không phải chỉ cần tiền nên việc trình bày này của phía bị đơn là không phù hợp. Mặt khác, ông T không thừa nhận có nhận tiền của bà P để chăm sóc ông T2, giấy nhận tiền do ông Tín ký một lần (không có ký hàng tháng) để cho bà P làm giám hộ cho ông T2, lời trình bày của ông T phù hợp với lời của người làm chứng. Từ đó có cơ sở xác định bà P không thực hiện đúng điều kiện theo như hợp đồng tặng cho, vì vậy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Văn N1 cụ Nguyễn Thị S với bà Trần Thị P, ông Trần Anh K lập ngày 19/11/2009 tại Văn Phòng C tỉnh Tiền Giang bị vô hiệu phần của bà P như nhận định của cấp sơ thẩm là đúng.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà Trần Thị P là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh K, Trần Anh V, Trần Văn T và Trần Thị Kim Q.

- Hủy 01 phần hợp đồng tặng cho nhà đất tại số B đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang giữa cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S với bà Trần Thị P lập ngày 19/11/2009 tại Văn Phòng C tỉnh Tiền Giang

- Công nhận 50% nhà và đất tại số B đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Trần Văn N1 và cụ Nguyễn Thị S trị giá là 2.832.301.000 đồng.

- Ghi nhận ông Trần Văn K1 đại diện ông Trần Anh V, ông Trần Văn T, ông Trần Thế H1, ông Trần Anh D1, bà Trần Thị Kim Q chia lại 1/8 kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị P là 354.037.625 đồng. Thời gian thực hiện giao tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày phía bà P có đơn yêu cầu thi hành án về phần tiền nếu ông K1 chậm thi hành đối với phần tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ghi nhận ông Trần Anh V, ông Trần Anh K, ông Trần Văn T, ông Trần Thế H1, ông Trần Anh D1 (ông H1, ông D1 ủy quyền cho ông V) đồng ý cho bà Trần Thị Kim Q đứng tên quyền sử dụng đất và nhà tại số B đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cùng với ông Trần Anh K.

Ông Trần Anh K và bà Trần Thị Kim Q được liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số B đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do bà Trần Thị P và ông Trần Anh K đứng tên số 3226-301/2009/QĐ-UB.GCN ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P được miễn nộp án phí.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đường sự (11);
- Lưu HS (2), VP(3) 21B LTTT.

Trần Văn Mười